**BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM MÔN ĐỊA LÍ LỚP 10 BÀI 3:**

**SỬ DỤNG BẢN ĐỒ TRONG HỌC TẬP VÀ ĐỜI SỐNG**

**Câu 1:**  Kí hiệu cùa bản đồ dùng để thể hiện

**A.** các đối tượng địa lí trên bản đồ. **B.** tỉ lệ của bản đồ so với thực tế

**C.** hệ thống đường kinh, vĩ tuyến. **D.** bản chú giải của một bản đồ.

**Câu 2:**  Để giải thích sự phân bố mưa của một khu vực, cần sử dụng bản đồ khí hậu và bản đồ

**A.** sông ngòi. **B.** thổ nhưỡng. **C.** địa hình, **D.** sinh vật

**Câu 3:**  Những bản đồ không vẽ kinh vĩ tuyến muốn xác định phương hướng dựa vào:

**A.** mũi tên chỉ hướng Đông **B.** mũi tên chỉ hướng Tây

**C.** mũi tên chỉ hướng Nam **D.** mũi tên chỉ hướng Bắc

**Câu 4:**  Cho biết ý nào dưới đây là không đúng ?

**A.** Bản đồ có tỉ lệ càng lớn mức độ chi tiết càng cao.

**B.** Bản đồ có tỉ lệ càng nhỏ càng dễ sử dụng.

**C.** Bản đồ có tỉ lệ càng nhỏ thì phạm vi lãnh thổ thể hiện càng lớn.

**D.** Bản đồ quốc gia thường có tỉ lệ lớn hơn bản đồ thế giới.

**Câu 5:**  Một trong những căn cứ rất quan trọng để xác định phương hướng trên bản đồ là dựa vào:

**A.** bảng chú giải **B.** vị trí địa lí của lãnh thổ

**C.** mạng lưới kinh vĩ tuyến **D.** các đối tượng địa lí

**Câu 6:**  Trong đời sống, bản đồ là một phương tiện để:

**A.** trang trí nơi làm việc

**B.** biết được sự phát triển KT-XH của một quốc gia

**C.** xác lập mối quan hệ giữa các đối tượng địa lí

**D.** tìm đường đi, xác định vị trí…

**Câu 7:**  Để giải thích tình hình phân bố Mưa của một khu vực cần kết hợp sử dụng những bản đồ nào

**A.** Bản đồ thủy văn và bản đồ địa hình. **B.** Bản đồ địa hình và bản đồ địa chất.

**C.** Bản đồ địa chất và bản đồ thổ nhưỡng. **D.** Bản đồ khí hậu và bản đồ địa hình.

**Câu 8:**  Loại bản đồ nào dưới đây thường xuyên được sử dụng trong quân sự ?

**A.** Bản đồ địa hình. **B.** Bản đồ dân cư. **C.** Bản đồ nông nghiệp. **D.** Bản đồ khí hậu.

**Câu 9:**  Tỉ lệ 1 : 9.000.000 được hiểu là lcm trên bản đồ ứng với ngoài thực địa là

**A.** 90km. **B.** 90cm. **C.** 90dm. **D.** 90m.

**Câu 10:**  Nhận định nào dưới đây không đúng khi sử dụng bản đồ?

**A.** Tìm hiểu tỉ lệ và kí hiệu trên bản đồ. **B.** Xác định phương hướng.

**C.** Tìm hiểu màu sắc thể hiện trên bản đồ. **D.** Chọn bản đồ phù hợp với nội dung.

**Câu 11:**  Kĩ năng nào được xem là phức tạp hơn cả trong số các kĩ năng sau đây?

**A.** Tính toán khoảng cách, **B.** Phân tích mối liên hệ.

**C.** Mô tả vị trí đối tượng. **D.** Xác định hệ toạ độ địa lí.

**Câu 12:**   Trong học tập, bản đồ là một phương tiện để học sinh:

**A.** học thay sách giáo khoa

**B.** học tập, rèn luyện các kĩ năng địa lí

**C.** thư giản sau khi học xong bài

**D.** xác định vị trí các bộ phận lãnh thổ học trong bài

**Câu 13:** Cho biết ý nào dưới đây là không đúng ?

**A.** Bản đồ có tỉ lệ càng lớn mức độ chi tiết càng cao.

**B.** Bản đồ có tỉ lệ càng nhỏ càng dễ xác định đặc điểm của các đối tượng.

**C.** Bản đồ có tỉ lệ càng nhỏ thì phạm vi lãnh thổ thể hiện được càng lớn.

**D.** Bản đồ Quốc gia thường có tỉ lệ lớn hơn bản đồ thế giới.

**Câu 14:**  Bản đồ không phải là một phương tiện chủ yếu để học sinh:

**A.** rèn luyện kĩ năng địa lí. **B.** củng cố hiểu biết địa lí.

**C.** xem các tranh ảnh địa lí. **D.** khai thác kiến thức địa lí.

**Câu 15:**  Muốn tìm hiểu được nội dung của bản đồ, trước hết cần phải nghiên cứu kĩ phần

**A.** chú giải và kí hiệu. **B.** kí hiệu và vĩ tuyến,

**C.** vĩ tuyến và kinh tuyến. **D.** kinh tuyến và chú giải.

**Câu 16:**  Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 3 000 000, khoảng cách giữa hai thành phố đo được là 3 cm điều đó có nghĩa là trên thực tế khoảng cách giữa hai thành phố đó là

**A.** 90 km. **B.** 900 km. **C.** 9 km. **D.** 9000 km.

**Câu 17:**   Nhận định nào dưới đây là chưa chính xác?

**A.** Dựa vào bản đồ ta có thể xác định được vị trí địa lí của một điểm trên bề mặt Trái Đất

**B.** Bản đồ có thể thể hiện hình dạng và qui mô các bộ phận lãnh thổ trên bề mặt Trái Đất

**C.** Bản đồ thể thể hiện quá trình phát triển của 1 hiện tượng

**D.** Bản đồ có thể thể hiện sự phân bố của các đối tượng địa lí

**Câu 18:**  Để xác định phương hướng chính xác trên bản dồ, cần phải dựa vào

**A.** kinh tuyến và chú giải. **B.** kí hiệu và vĩ tuyến.

**C.** chú giải và kí hiệu. **D.** các đường kinh, vĩ tuyến,

**Câu 19:**   Trong học tập địa lí, khi sử dụng bản đồ vấn đề cần lưu ý đầu tiên là

**A.** chọn bản đồ phù hợp với nội dung. **B.** đọc kĩ bảng chú giải.

**C.** nắm được tỉ lệ bản đồ. **D.** xác định phương hướng trên bản đồ.

**Câu 20:**  Để tìm hiểu về chế độ nước của một con sông ,cần phải sử dụng bản đồ nào ?

**A.** bản đồ nông nghiệp. **B.** bản đồ địa hình. **C.** bản đồ địa chất. **D.** bản đồ khí hậu.

**Câu 21:**  Để xác định chính xác phương hướng trên bản đồ cần dựa vào

**A.** Bảng chú giải trên bản đồ. **B.** Hệ thống kinh vĩ tuyến trên bản đồ.

**C.** Các đối tượng địa lí thể hiện trên bản đồ. **D.** Các cạnh của bản đồ.

**Câu 22:**  Để tìm hiểu về chế độ nước ta của một con sông , cần phải sử dụng bản đồ nào ?

**A.** Bản đồ địa chất. **B.** Bản đồ khí hậu. **C.** Bản đồ địa hình. **D.** Bản đồ nông nghiệp.

**Câu 23:**  Trong học tập, bản đồ là một phưorng tiện để học sinh:

**A.**  Học thay sách giáo khoa. **B.** Thư giãn sau khi học xong bài.

**C.** Xác định vị trí các bộ phận lãnh thổ học trong bài.

**D.** Học tập, rèn luyện các kĩ năng địa lí.

**Câu 24:**  Để giải thích tình hình phân bố lượng mưa của một khu vực, bản đồ cần kết hợp sử dụng là:

**A.** bản đồ khí hậu và bản đồ địa hình. **B.** bản đồ khí hậu và bản đồ địa chất.

**C.** bản đồ thủy văn và bản đồ địa hình. **D.** bản đồ địa chất và bản đồ thủy văn

**Câu 25:**  Mũi tên chỉ phương hướng trên bản đồ thường chi về hướng

**A.** Bắc. **B.** Nam. **C.** Tây. **D.** Đông.

**Câu 26:**  Bản đồ địa lí không thể cho biết nội dung nào sau đây?

**A.** Sự phân bo các điểm dân cư. **B.** Hỉnh dạng của một lãnh thô.

**C.** Lịch sử phát triên tự nhiên. **D.** Vị trí của đổi tượng địa lí.

**ĐÁP ÁN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | A | 6 | D | 11 | B | 16 | A | 21 | B |
| 2 | C | 7 | D | 12 | B | 17 | C | 22 | B |
| 3 | D | 8 | A | 13 | B | 18 | D | 23 | D |
| 4 | B | 9 | A | 14 | C | 19 | A | 24 | A |
| 5 | C | 10 | C | 15 | A | 20 | D | 25 | A |
|  |  |  |  |  |  |  |  | 26 | C |